

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Minh Tăng

Bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 72/TB-TA ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị C, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn Y, xã T (xã H cũ), huyện M, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Thanh X, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Y, xã T (xã H cũ), huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C1; địa chỉ trụ sở chính: số A phố L Hà Nội

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tất T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C1 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Thanh X do mai mối nên quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn Y, xã T (xã H cũ), huyện M, tỉnh Quảng Bình. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể anh X không quan tâm đến vợ con, không lo cho kinh tế của gia đình, đi làm không đưa tiền để nuôi con, mâu thuẫn cứ thế kéo dài đến năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay anh X chỉ có 01 lần liên lạc với chị C để hàn gắn tình cảm, tuy nhiên, do nhận thấy không còn tình cảm nên chị C không quay về chung sống.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về quan hệ con chung: Chị C và anh X có 01 con chung là Đinh Trung H, sinh ngày 17/01/2016, hiện tại đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng có 01 khoản vay chung tại Ngân hàng C1 (giao dịch tại Phòng giao dịch huyện C1) với số tiền 45.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu chia đôi khoản vay trên.

Bị đơn anh Đinh Thanh X vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tất T trình bày: Ngày 19/11/2019, chị Đinh Thị C và anh Đinh Thanh X có vay vốn chương trình cho vay hộ cận nghèo tại Ngân hàng C1 chi nhánh phòng giao dịch huyện C1 tại khế ước 6600000716601194, số tiền vay là 45.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 7,92%/năm, thời hạn trả nợ là 19/11/2024. Nay khoản vay đã hết hạn cho vay, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh X và chị C trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C1.

Tại phiên tòa:

- Chị Đinh Thị C trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và đề nghị chia đôi khoản vay tại Ngân hàng C1 chi nhánh phòng giao dịch huyện C1 với số tiền gốc là 45.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Bị đơn anh Đinh Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tất T trình bày: Chị C và anh X có vay vốn tại Ngân hàng C1 với số tiền là 45.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/01/2025, tổng nợ của chị C và anh X là 45.150.000 đ, trong đó nợ gốc

là 45.000.000 đ và nợ lãi là 150.000đ. Nay đã hết hạn cho vay nên yêu cầu Tòa án buộc chị C và anh X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tiền gốc và lãi suất phát sinh.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị C được ly hôn với anh Đinh Thanh X; về con chung: chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Trung H, sinh ngày 17/01/2016 và buộc anh X phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: buộc chị C và anh X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tiền gốc và lãi suất phát sinh số tiền 45.150.000 đ. Về án phí: chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn, chia nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn với anh Đinh Thanh X là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đinh Thanh X có nơi cư trú tại thôn Y, xã T (xã H cũ), huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Đinh Thanh X đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và anh Đinh Thanh X do mai mối nên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 18/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là UBND xã T) theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của chị C, vợ chồng chung sống tại thôn Y, xã T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh X không quan tâm đến vợ con, không chăm lo đời sống kinh tế gia đình, không đưa tiền để nuôi con do đó vợ

chồng thường xuyên cự cãi mâu thuẫn, kéo dài đến năm 2020 thì sống ly thân. Từ khi ly thân, chị C cảm thấy không mong muốn quay lại chung sống cùng với anh X.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh X xuất phát từ cuộc sống thường ngày và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù anh X có 01 lần liên lạc để hàn gắn với chị C nhưng chị C không quay lại chung sống với anh X do đã hết tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh X, cũng như triệu tập anh X đến để hòa giải nhưng anh X không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị C. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị C yêu cầu ly hôn anh X phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị C và anh X có 01 con chung là Đinh Trung H, sinh ngày 17/01/2016, hiện tại đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc giao con chung chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về thể chất, lẫn tinh thần. Cháu H đang sống với chị C từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu H thể hiện cháu mong muốn sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển ổn định nên yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung của chị C là phù hợp với khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mà chị C đưa ra là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị C.

Về phương thức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định buộc anh X cấp dưỡng hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về quan hệ nợ chung: Chị C và đại diện Ngân hàng C1 xác nhận, vợ chồng chị C và anh X có vay vốn tại Ngân hàng C1 với số tiền 45.000.000 đồng tại khế ước 6600000716601194, ngày 19/11/2019, lãi suất cho vay là 7,92%/năm, thời hạn trả nợ là 19/11/2024.

Hiện nay, khoản vay đã hết hạn cho vay, khi ly hôn, chị C yêu cầu chia đôi khoản vay trên, chị C chịu 22.575.000 đồng tiền gốc là phần lãi tương ứng, anh X chịu 22.575.000 đồng tiền gốc là phần lãi tương ứng. Đại diện Ngân hàng C1 yêu cầu vợ chồng chị C và anh X có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C1, cụ thể yêu cầu chia đôi khoản nợ chung, mỗi người chịu một nửa.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, có đủ cơ sở để xác định, giữa Ngân hàng C1 và chị C, anh X có xác lập hợp đồng vay vốn theo khế ước số 6600000716601194, ngày 19/11/2019, lãi suất cho vay là 7,92%/năm, thời hạn trả nợ là 19/11/2024, việc vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo khế ước đã giao kết và đây là nợ chung của chị C và anh X trong thời kỳ hôn nhân. Trong quá trình thực hiện khế ước, chị C đã thanh toán đầy đủ tiền lãi, nhưng vốn gốc thì chưa thanh toán. Do đó, Ngân hàng C1 yêu cầu chị C và anh X có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ. Xét thấy, việc vay vốn thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo, nhằm mục đích mua bò sinh sản của hộ gia đình là nghĩa vụ chung của chị C và anh X. Do đó, chị C yêu cầu chia đôi nợ chung, mỗi người có trách nhiệm chịu một nửa là hoàn toàn phù hợp Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Đinh Thanh X phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tổng số tiền là 22.575.000 đồng, trong đó tiền gốc là 22.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/01/2025 là 75.000 đồng; do đó, chị C phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho Ngân hàng C1 theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tổng số tiền là 22.575.000 đồng, trong đó tiền gốc là 22.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/01/2025 là 75.000 đồng; do đó, anh X phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho Ngân hàng C1 theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 27, 37, 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Các điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đinh Thị C và anh Đinh Thanh X.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2015, quyển số 01/2017 ngày 18/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Trung H, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Đinh Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Thanh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xét.

1.4. Về quan hệ nợ chung: Buộc chị Đinh Thị C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tổng số tiền tính đến ngày 23/01/2025 là 22.575.000 đồng đồng,

trong đó, tiền nợ gốc là 22.500.000 đồng, nợ lãi là 75.000 đồng, theo khế ước vay ngày 19/11/2019 số 6600000716601194.

Buộc anh Đinh Thanh X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1 tổng số tiền tính đến ngày 23/01/2025 là 22.575.000 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 22.500.000 đồng, nợ lãi là 75.000 đồng, theo khế ước vay ngày 19/11/2019 số 6600000716601194.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000621 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Chị Đinh Thị C phải chịu 1.128.000 (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đinh Thanh X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Thanh X phải chịu 1.128.000 (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- UBND xã Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

